TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2020/DS-ST
Ngày: 05-11- 2020
V/v:"*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Chu Anh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Nghịch.

2. Bà Trịnh Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhị– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thùy Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2020 tại phòng xử án, Trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2020/TLST-.DS ngày 07 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 9 năm 2020 và quyết định hoãn phiên toà số 35/2020/QĐST-DS, ngày 15/10/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Địa chỉ: Số 130, đường P, phường 3, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Lệ O, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh Đắk Lắk- Phòng giao dịch K.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Mai Xuân C. Chức vụ: Nhân viên phát triển kinh doanh Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh Đắk Lắk- Phòng giao dịch K- Có mặt

Bị đơn: Ông Phan Ngọc H; sinh năm 1979- Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/02/2020 bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên toà, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ: ông Mai Xuân C trình bày:

Vào ngày 11 tháng 05 năm 2018, ông Phan Ngọc H với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Đắk Lắk - Phòng giao dịch K có ký kết hợp đồng tín dụng ngắn hạn số N0250/118. Theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn đã ký kết thì ông Phan Ngọc H vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Đắk Lắk - Phòng giao dịch K với số tiền là: 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)*; Mục đích vay là: Sản xuất nông nghiệp và tiêu dùng; Lãi suất áp dụng là 11%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn; Thời hạn vay là 12 tháng, kỳ hạn trả nợ là cuối kỳ, lãi vay được bên vay trả định kỳ 06 tháng/kỳ (chia làm hai kỳ trả lãi).

Để đảm bảo khoản vay trên thì giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ-Chi nhánh Đắk Lắk - Phòng giao dịch K với ông Phan Ngọc H có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số N2849/TC ngày 08 tháng 05 năm 2017. Cụ thể: Ông Phan Ngọc H đã thế chấp 02 quyền sử dụng đất như sau:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận O 387261 đối với thửa đất số 181, tờ bản đồ số 33, diện tích 410 m^2 được UBND huyện K, cấp ngày 18/6/1998 cho hộ ông Lê Văn S, ngày 26/4/2013 chuyển nhượng cho ông Phan Ngọc H.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 387262, thửa đất số 147, tờ bản đồ số 32, diện tích 2866 m^2 được UBND huyện K, cấp ngày 18/6/1998 cho hộ ông Lê Văn S, ngày 26/4/2013 chuyển nhượng cho ông Phan Ngọc H.

Quá trình vay, ông Phan Ngọc H mới trả được 12 tháng tiền lãi với số tiền là 5.500.000 đồng. Số tiền gốc 50.000.000 đồng thì ông H chưa thanh toán và ông H đã không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết theo hợp đồng tín dụng, đồng thời đã để nợ quá hạn. Hiện dư nợ gốc là: 50.000.000 đồng *(năm mươi triệu đồng)* và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 05/11/2020 là 12.228.000 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc, nhắc nhở, đến nhà tìm ông Phan Ngọc H nhưng ông H vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã cam kết và th ường xuyên vắng mặt tại địa phương, gây khó khăn cho việc tìm gặp để làm biên bản làm việc.

Vì vậy, đề nghị Toà án xem xét, giải quyết buộc ông Phan Ngọc H trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ tổng số tiền là: 62.228.000 đồng: Trong đó, tiền vay gốc: 50.000.000 đồng; Tiền lãi suất tạm tính đến ngày 05/11/2020 là 12.228.000 đồng.

Trong trường hợp ông Phan Ngọc H không trả nợ được cho Ngân hàng thì đề nghị Tòa án tuyên quyền phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận O 387261 đối với thửa đất số 181, tờ bản đồ số 33, diện tích 410 m^2 được UBND huyện K, cấp ngày 18/6/1998 cho hộ ông Lê Văn S, ngày 26/4/2013 chuyển nhượng cho ông Phan Ngọc H; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 387262, thửa đất số 147, tờ bản đồ số 32, diện tích 2866 m^2 được UBND huyện K, cấp ngày 18/6/1998 cho hộ ông Lê Văn S, ngày 26/4/2013 chuyển nhượng cho ông Phan Ngọc H để ngân hàng thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Phan Ngọc H không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham dự phiên tòa phát biểu: Việc tiếp nhận đơn khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án, thụ lý và ra thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Phan Ngọc H đã vi phạm tại các Điều 70, Điều 72 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 317, Điều 318, Điều 323, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Buộc ông Phan Ngọc H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ tổng số tiền là: 62.228.000 đồng *(sáu mươi hai triệu, hai trăm hai mươi tám nghìn đồng)*. Trong đó, Tiền vay gốc: 50.000.000 đồng; Tiền lãi suất 12.228.000 đồng.

Kể từ ngày 06/11/2020 ông Phan Ngọc H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp ông Phan Ngọc H không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự bán phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận O 387261 đối với thửa đất số 181, tờ bản đồ số 33, diện tích 410 m^2 được UBND huyện K, cấp ngày 18/6/1998 cho hộ ông Lê Văn S, ngày 26/4/2013 chuyển nhượng cho ông Phan Ngọc H.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 387262, thửa đất số 147, tờ bản đồ số 32, diện tích 2866 m^2 được UBND huyện K, cấp ngày 18/6/1998 cho hộ ông Lê Văn S, ngày 26/4/2013 chuyển nhượng cho ông Phan Ngọc H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đề ngày 07/02/2020, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắk, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại thời điểm Ngân hàng khởi kiện bị đơn ông Phan Ngọc H có nơi cư trú tại Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đăk Lăk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, do không tống đạt trực tiếp được cho ông Phan Ngọc H, Toà án đã giao cho người thân thích là ông Phan B (bố đẻ ông Phan Ngọc H), có cùng nơi cư trú với ông Phan Ngọc H, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng là đảm bảo việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 BLTTDS. Tuy nhiên, ông Phan Ngọc H không tham gia tố tụng cũng như không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên hoà giải là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa lần thứ nhất ông Phan Ngọc H vắng mặt, nên HĐXX đã hoãn phiên tòa và tống đạt quyết định hoãn phiên tòa cho ông Phan Ngọc H. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Phan Ngọc H vắng mặt không có lý do. Do vậy HĐXX áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt bị đơn ông Phan Ngọc H là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào ngày 11 tháng 05 năm 2018 ông Phan Ngọc H vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh Đắk Lắk- Phòng giao dịch K số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) là có thật, được thể hiện tại hợp đồng tín dụng ngắn hạn số N0250/118, mục đích vay là: Sản xuất nông nghiệp và tiêu dùng; Lãi suất áp dụng là 11%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Thời hạn vay là 12 tháng, kỳ hạn trả nợ là cuối kỳ, lãi vay được bên vay trả định kỳ 06 tháng/kỳ (chia làm hai kỳ trả lãi).

Quá trình vay, ông Phan Ngọc H mới trả được 5.500.000 đồng tiền lãi suất, ngoài ra chưa trả cho Ngân hàng thêm khoản tiền nợ gốc và lãi nào. Hiện nay đã quá hạn nhưng ông Phan Ngọc H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông Phan Ngọc H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng đã ký kết và theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác"*.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ, nên cần buộc ông Phan Ngọc H phải trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc 50.000.000 đồng *(năm mươi triệu đồng)* là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Về lãi suất: Lãi suất áp dụng là 11%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, để tính lãi suất

theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

* Lãi suất trong hạn được tính như sau: Từ ngày vay 11/5/2018 đến ngày 11/5/2019 là 12 tháng: 50.000.000 đồng x11%= 5.500.000 đồng.

* Lãi suất quá hạn: Do ông Phan Ngọc H vi phạm nghĩa vụ trả nợ vào cuối ngày 11/5/2019, nên lãi suất quá hạn tính từ ngày 12/05/2019 đến ngày 05/11/2020 là 541 ngày, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn nên lãi quá hạn là 16,5% cụ thể: 50.000.000 đồng x16,5% : 365 x 541 ngày= 12.228.000 đồng.

Tổng lãi trong hạn và quá hạn là: 5.500.000 đồng + 12.228.000 đồng = 17.728.000 đồng, ông Phan Ngọc H đã trả tiền lãi 5.500.000 đồng, còn nợ tiền lãi 12.228.000 đồng.

Như vậy, HĐXX buộc ông Phan Ngọc H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ tổng số tiền là: 62.228.000 đồng.

Trong đó, tiền vay gốc: 50.000.000 đồng; tiền lãi suất 12.228.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm ông Phan Ngọc H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[4] Về tài sản thế chấp: Khi vay tiền ông Phan Ngọc H đã thế chấp cho Ngân hàng các tài sản gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận O 387261 đối với thửa đất số 181, tờ bản đồ số 33, diện tích 410 m^2 được UBND huyện K, cấp ngày 18/6/1998 cho hộ ông Lê Văn S, ngày 26/4/2013 chuyển nhượng cho ông Phan Ngọc H.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 387262, thửa đất số 147, tờ bản đồ số 32, diện tích 2866 m^2 được UBND huyện Krông Pắc, cấp ngày 18/6/1998 cho hộ ông Lê Văn S, ngày 26/4/2013 chuyển nhượng cho ông Phan Ngọc H.

Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số N2849/TC ngày 08/5/2017 được ký kết giữa ông Phan Ngọc H và Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Xét thấy việc thế chấp trên của các bên đương sự là hợp pháp, hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền đúng theo quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 292 Bộ luật dân sự 2015. Áp dụng Điều 293 Bộ luật dân sự 2015 và khoản 1 Điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29

tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm tuyên: Trường hợp ông Phan Ngọc H không tự nguyện thanh toán đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự bán phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ cho ngân hàng.

Sau khi ông Phan Ngọc H thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có nghĩa vụ trả lại các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Ngọc H theo quy định của pháp luật.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Căn cứ khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 của bộ luật tố tụng dân sự.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông Phan Ngọc H phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng, số tiền này nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đã nộp tạm ứng, nên ông Phan Ngọc H phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

[7] Về án phí: ông Phan Ngọc H phải chịu 3.111.400 đồng *(ba triệu, một trăm mười một nghìn, bốn trăm đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm. Theo mức tính: 62.228.000 đồng x 5% = 3.111.400 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 317, Điều 318, Điều 323, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH- 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Buộc ông Phan Ngọc H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ tổng số tiền là: 62.228.000 đồng *(sáu mươi hai triệu, hai trăm hai mươi tám nghìn đồng)*. Trong đó, Tiền vay gốc: 50.000.000 đồng; Tiền lãi suất 12.228.000 đồng.

Kể từ ngày 06/11/2020 ông Phan Ngọc H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp ông Phan Ngọc H không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự bán phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận O 387261 đối với thửa đất số 181, tờ bản đồ số 33, diện tích 410 m^2 được UBND huyện K, cấp ngày 18/6/1998 cho hộ ông Lê Văn S, ngày 26/4/2013 chuyển nhượng cho ông Phan Ngọc H.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 387262, thửa đất số 147, tờ bản đồ số 32, diện tích 2866 m^2 được UBND huyện K, cấp ngày 18/6/1998 cho hộ ông Lê Văn S, ngày 26/4/2013 chuyển nhượng cho ông Phan Ngọc H.

Sau khi ông Phan Ngọc H thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ phải trả lại cho ông Phan Ngọc H các tài sản đã thế chấp gồm:

Giấy chứng nhận O 387261 đối với thửa đất số 181, tờ bản đồ số 33, diện tích 410 m^2 được UBND huyện K cấp ngày 18/6/1998 cho hộ ông Lê Văn S, ngày 26/4/2013 chuyển nhượng cho ông Phan Ngọc H.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 387262, thửa đất số 147, tờ bản đồ số 32, diện tích 2866 m^2 được UBND huyện K, cấp ngày 18/6/1998 cho hộ ông Lê Văn S, ngày 26/4/2013 chuyển nhượng cho ông Phan Ngọc H.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Phan Ngọc H có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đông Á 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Về án phí: Ông Phan Ngọc H phải chịu 3.111.400 đồng *(ba triệu, một trăm mười một nghìn, bốn trăm đồng)*, tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền 1.403.698 đồng *(một triệu, bốn trăm lẻ ba nghìn, sáu trăm chín mươi tám đồng)*, tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0007357, ngày 04/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Phan Ngọc H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Chu Anh Hùng

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.